TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh PHúc**

Bản án số: **140**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04- 6- 2025
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sáu.

2. Ông Huỳnh Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hiển- Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phương Huy- Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 645/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Phan Thị Thu T** sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thị trấn BP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Anh **Trà Thiên B** sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã HK, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phan Thị Thu T trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trà Thiên B chung sống với nhau năm 2019, do quen biết và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HK vào ngày 15/3/2019. Đến khoảng cuối năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, anh B không lo gia đình, không phụ

tiền nuôi con thường xuyên đi chơi và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không có gặp nhau, không có điện thoại liên lạc để hàn gắn, việc ly hôn này anh B có biết nhưng anh B không chịu đến Tòa án. Nay yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trà Thiên P sinh ngày 25/11/2019 và Trà Hồng N sinh ngày 19/3/2023. Hiện cháu P đang sống với anh B và cháu N đang sống với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu N, anh B nuôi cháu P. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang phụ gia đình buôn bán, thu nhập 250.000 đồng- 300.000 đồng/ngày, đủ để nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn là anh Trà Thiên B đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến và yêu cầu gì.

* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh B, giao cháu N cho chị T và giao cháu P cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Anh Trà Thiên B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị Phan Thị Thu T vắng mặt và có yêu cầu vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt chị T và anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thu T và anh Trà Thiên B chung sống với nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HK vào ngày 15/3/2019 nên là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh B theo chị T xác định là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, anh B không lo cho gia đình, không phụ tiền nuôi con, thường xuyên đi chơi và vợ chồng ly thân từ khoảng năm 2023 cho đến nay. Thời gian chị T và anh B sống ly thân đến nay đã lâu nhưng không có gặp nhau, không hàn gắn, đoàn tụ được. Anh B không có ý kiến mặt dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, điều đó thể hiện ý chí của anh B là không muốn vợ chồng

đoàn tụ, hàn gắn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy, cháu Trà Thiên P sinh ngày 25/11/2019 hiện đang sống với anh B và cháu Trà Hồng N sinh ngày 19/3/2023 hiện đang sống với chị T. Theo cung cấp của bà Nguyễn Thị B- mẹ ruột của anh B thì chị T và anh B đều có điều kiện nuôi con tốt. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, anh B trực tiếp nuôi cháu P, anh B không có ý kiến phản đối mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Do đó để đảm B ổn định cuộc sống và quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thu T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Phan Thị Thu T được ly hôn với anh Trà Thiên B.

- *Về con chung*: Giao cháu Trà Thiên P sinh ngày 25/11/2019 cho anh Trà Thiên B được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trà Hồng N sinh ngày 19/3/2023 cho chị Phan Thị Thu T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Phan Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0016138 ngày 12/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang xem như chị T đã nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với chị Phan Thị Thu T và anh Trà Thiên B được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã HK;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thi